

QUAN ĐIỂM, CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG VỀ CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI TRONG KỶ NGUYÊN MỚI

TRẦN VĂN DŨNG
Khoa Công tác Đảng, công tác chính trị,
Học viện Phòng không - Không quân

Nhận bài ngày 22/6/2026. Sửa chữa xong 22/7/2026. Duyệt đăng 10/8/2026.

Abstract

This article examines the perspectives and policies of the Communist Party of Vietnam on social security in the new era, highlighting the achievements, limitations, and challenges associated with policy formulation and implementation in Vietnam. On this basis, it proposes several solutions to improve the institutional framework, enhance the effectiveness of policy implementation, and develop a modern, sustainable, and inclusive social security system, thereby contributing to the goal of leaving no one behind.

Keywords: Communist Party of Vietnam, digital transformation, new era, social security, social security policy.

1. Đặt vấn đề

Là một thành phần cơ bản của chính sách phát triển quốc gia, an sinh xã hội hướng đến duy trì ổn định chính trị, thúc đẩy phát triển bền vững và đảm bảo công bằng xã hội. Việc xây dựng một hệ thống an sinh xã hội hiện đại, toàn diện và bền vững càng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết trong bối cảnh dân số già hóa, chuyển đổi số, biến đổi khí hậu và biến động thị trường lao động. An sinh xã hội luôn được Đảng Cộng sản Việt Nam coi là một chính sách có ý nghĩa chiến lược. Qua các văn kiện của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết số 15-NQ/TW năm 2012 và Nghị quyết số 42-NQ/TW năm 2023, quan điểm về chính sách an sinh xã hội không ngừng được hoàn thiện theo hướng lấy người dân làm trung tâm, bảo đảm không để ai bị bỏ lại phía sau.

Mặc dù đạt được nhiều kết quả tích cực, hệ thống an sinh xã hội vẫn còn đối mặt với nhiều thách thức như già hóa dân số, áp lực bảo đảm tính bền vững của các quỹ an sinh và yêu cầu đổi mới quản trị trong bối cảnh chuyển đổi số. Vì vậy, việc nghiên cứu quan điểm, chủ trương của Đảng về chính sách an sinh xã hội trong kỷ nguyên mới có ý nghĩa quan trọng nhằm góp phần hoàn thiện thể chế và nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách ở Việt Nam.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Một số vấn đề lý luận về chính sách an sinh xã hội trong kỷ nguyên mới

2.1.1. An sinh xã hội và các trụ cột cơ bản của an sinh xã hội

Đảng Cộng sản Việt Nam có chính sách nhất quán và toàn diện nhằm đảm bảo an sinh xã hội, đây là điều thiết yếu để giảm nghèo, đảm bảo sinh kế cho người dân, đạt được công bằng xã hội, thúc đẩy sự đồng thuận xã hội, góp phần ổn định chính trị, đảm bảo trật tự an ninh xã hội, củng cố và tăng cường quốc phòng, an ninh quốc gia. Từ khi Cách mạng tháng Tám thắng lợi, Đảng và Nhà nước luôn coi việc xóa đói giảm nghèo quan trọng như việc đánh đuổi ngoại xâm. Chủ tịch Hồ Chí Minh có một ham muốn tốt bậc: “làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành” (Hồ Chí Minh Toàn tập, tập 4, 2011).

Cụm từ “an sinh xã hội” được chính thức sử dụng trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ

Email: Trvdung.hlu@gmail.com

IX của Đảng (4/2001): “*Khẩn trương mở rộng hệ thống bảo hiểm xã hội và an sinh xã hội*” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016).

Cụ thể, Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 01 tháng 6 năm 2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc khóa 11 về “*Một số vấn đề liên quan đến chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020*” đã xem xét an sinh xã hội là nhiệm vụ thường xuyên và quan trọng của Đảng, Nhà nước, toàn bộ hệ thống chính trị và toàn xã hội; Nghị quyết này cũng đề cập đến việc xây dựng một hệ thống an sinh xã hội đa dạng, toàn diện với trách nhiệm chung giữa Nhà nước, xã hội và nhân dân, cũng như giữa các nhóm dân cư trong cùng một thể hệ và giữa các thế hệ. Thêm vào đó, Điều 34 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 quy định: “*Công dân có quyền được bảo đảm an sinh xã hội*”. Trách nhiệm thường xuyên và quan trọng của Đảng, Nhà nước, toàn bộ hệ thống chính trị và toàn xã hội là bảo đảm an sinh xã hội. Đánh giá kết quả 10 năm thực hiện Nghị quyết số 15 - NQ/TW ngày 01/6/2012 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về “*Một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020*”, Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII ban hành Nghị quyết số 42 - NQ/TW ngày 24/11/2023 về “*Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới*”, xác định rõ: “*Xây dựng hệ thống an sinh xã hội bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, không để ai bị bỏ lại phía sau*” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2023); trong đó, nhấn mạnh: “*Phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện, có tính chia sẻ giữa Nhà nước, xã hội, người dân và giữa các nhóm dân cư, bảo đảm bền vững và công bằng xã hội*” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016).

Do đó, an sinh xã hội là một hệ thống các cơ chế, chính sách và biện pháp do Nhà nước và xã hội thiết lập để giúp tất cả các thành viên trong xã hội đối phó với các rủi ro và cú sốc kinh tế - xã hội dẫn đến giảm hoặc mất thu nhập do ốm đau, mang thai, tai nạn, bệnh nghề nghiệp, tuổi già, mất khả năng lao động hoặc các lý do khác quan khác dẫn đến nghèo đói và cùng cực, cũng như cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng thông qua các mạng lưới trợ giúp xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và các hình thức hỗ trợ ưu đãi tương tự khác.

2.1.2. Nguyên tắc trong việc xây dựng và thực hiện chính sách an sinh xã hội

a. Nguyên tắc bảo đảm quyền con người và quyền công dân

An sinh xã hội là một trong những quyền cơ bản của con người, được bảo vệ bởi Hiến pháp Việt Nam và các thỏa ước quốc tế. Việc thiết lập và thực hiện chính sách an sinh xã hội phải hướng tới bảo đảm cho mọi người dân được tiếp cận các điều kiện sống tối thiểu, được bảo vệ trước những rủi ro về việc làm, sức khỏe, tuổi già và các biến cố trong cuộc sống. Đây là cơ sở để bảo đảm quyền phát triển, quyền được sống an toàn và có phẩm giá của mỗi cá nhân.

b. Nguyên tắc công bằng và bình đẳng trong hưởng thụ chính sách an sinh xã hội

Chính sách an sinh xã hội phải bảo đảm mọi người dân có cơ hội tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản một cách bình đẳng, không phân biệt giới tính, dân tộc, tôn giáo, nơi cư trú hay điều kiện kinh tế. Công bằng xã hội không chỉ thể hiện ở việc phân phối hợp lý các nguồn lực mà còn ở việc ưu tiên hỗ trợ những nhóm yếu thế nhằm thu hẹp khoảng cách phát triển và tạo cơ hội phát triển cho mọi người (Nguyễn Văn Chiêu, 2025).

c. Nguyên tắc chia sẻ rủi ro và đoàn kết xã hội

Nền tảng của an sinh xã hội là sự chia sẻ và hỗ trợ lẫn nhau giữa những người hàng xóm và các thế hệ. Thông qua các cơ chế như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và trợ giúp xã hội, những người có điều kiện tốt hơn hỗ trợ những người gặp khó khăn, góp phần giảm thiểu tác động của các rủi ro kinh tế - xã hội, tăng cường sự gắn kết và ổn định xã hội.

d. Nguyên tắc lấy con người làm trung tâm của chính sách an sinh xã hội

Mục tiêu cao nhất của chính sách an sinh xã hội là nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo đảm hạnh phúc và sự phát triển toàn diện của con người. Mọi chính sách phải xuất phát từ nhu cầu chính đáng của người dân, hướng tới phát triển con người cả về thể chất, trí tuệ và tinh thần, đồng thời tạo điều kiện để mỗi cá nhân phát huy năng lực và đóng góp cho xã hội.

đ. Nguyên tắc nhà nước giữ vai trò chủ đạo, xã hội cùng tham gia

Nhà nước có trách nhiệm ban hành pháp luật thể chế hóa chính sách, bảo đảm nguồn lực và tổ chức thực hiện các chương trình an sinh xã hội. Tuy nhiên, để nâng cao hiệu quả và tính bền vững của hệ thống an sinh xã hội cần huy động sự tham gia của doanh nghiệp, các tổ chức xã hội, cộng đồng và người dân. Sự phối hợp giữa Nhà nước và xã hội tạo nên sức mạnh tổng hợp trong việc bảo đảm phúc lợi xã hội.

e. Nguyên tắc bảo đảm tính toàn dân, toàn diện của chính sách xã hội

Nghị quyết số 42-NQ/TW thể hiện sự thay đổi trong triết lý chính sách xã hội của Đảng, chuyển từ “an ninh và ổn định” sang “ổn định và phát triển”. Đồng thời, Nghị quyết mở rộng phạm vi điều chỉnh từ một số nhóm đối tượng cụ thể sang toàn bộ hệ thống chính sách xã hội dành cho mọi người dân, trên cơ sở bảo đảm tính toàn dân, toàn diện và bao trùm của chính sách xã hội (Hoàng Bá Thịnh, 2024). Qua đó, chính sách an sinh xã hội phải hướng tới bao phủ toàn bộ người dân và đáp ứng các nhu cầu cơ bản trong suốt vòng đời của mỗi cá nhân. Điều này đòi hỏi hệ thống an sinh xã hội phải được thiết kế toàn diện, bao gồm bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ giúp xã hội, giảm nghèo và các dịch vụ xã hội cơ bản, nhằm bảo vệ người dân trước các rủi ro và bảo đảm phát triển bền vững.

2.2. Thực trạng hoạch định và thực hiện chính sách xã hội, an sinh xã hội ở Việt Nam

2.2.1. Phổ biến của chính sách an sinh xã hội không ngừng được mở rộng

Với hơn 93 triệu người tham gia và tỷ lệ bao phủ đạt 93,35% dân số vào năm 2024, bảo hiểm y tế nói riêng đã trở thành một thành phần thiết yếu của hệ thống an sinh xã hội. Một số báo cáo cho thấy tỷ lệ này tiếp tục tăng lên trên 94% trong năm 2024 và hướng tới mục tiêu trên 95% dân số vào năm 2025 (Thu Cúc, 2024). Hàng triệu người, đặc biệt là các nhóm dễ bị tổn thương như người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và các dân tộc thiểu số, hiện đã có mức sống tối thiểu nhờ các chương trình trợ giúp xã hội ổn định, giảm nghèo bền vững và hỗ trợ cứu trợ khẩn cấp.

2.2.2. Hệ thống an sinh xã hội từng bước được hoàn thiện theo hướng đa tầng, linh hoạt và thích ứng

Việt Nam đã từng bước phát triển và hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội đa tầng bao gồm trợ giúp xã hội, chính sách phúc lợi xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm xã hội khi đất nước bước vào kỷ nguyên mới. Quyết định số 28-NQ/TW về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội nhằm tăng cường phạm vi bao phủ và đảm bảo an sinh xã hội lâu dài cho người dân. Dự kiến đến năm 2024 sẽ có khoảng 20 triệu người trên cả nước tham gia bảo hiểm xã hội, chiếm hơn 42% lực lượng lao động trong độ tuổi lao động; trong đó, khoảng 18 triệu người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc và 2 triệu người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện (Ngân Anh, 2025). Hệ thống an sinh xã hội ngày càng thể hiện tính linh hoạt và khả năng thích ứng trước các biến động kinh tế - xã hội, thiên tai, dịch bệnh và xu hướng già hóa dân số đang diễn ra nhanh chóng ở Việt Nam. Đặc biệt, trong giai đoạn dịch COVID-19, nhiều gói hỗ trợ khẩn cấp đã được triển khai kịp thời, góp phần hỗ trợ hàng chục triệu lượt người dân và người lao động vượt qua khó khăn, qua đó khẳng định vai trò quan trọng của hệ thống an sinh xã hội trong bảo đảm ổn định và phát triển xã hội.

2.2.3. Chuyển đổi số đã tạo bước tiến quan trọng trong quản lý và thực hiện chính sách an sinh xã hội

Cơ sở dữ liệu dân số quốc gia, phục vụ việc quản lý hơn 100 triệu hồ sơ cá nhân, cho đến nay đã được liên kết và xác thực với cơ sở dữ liệu của ngành bảo hiểm xã hội (Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, 2026). Với hàng chục triệu tài khoản người dùng, ứng dụng Bảo hiểm xã hội kỹ thuật số VssID đã được sử dụng rộng rãi, cho phép mọi người truy cập các dịch vụ công trực tuyến, thực hiện các thủ tục và tra cứu thông tin. Đồng thời, việc mở rộng chi trả trợ cấp không dùng tiền mặt đã góp phần giảm chi phí hành chính, rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ và nâng cao tính công khai, minh bạch trong thực hiện chính sách. Bên cạnh việc nâng cao chất lượng dịch vụ an sinh xã hội, chuyển đổi số còn đặt nền tảng quan trọng cho sự phát triển của một hệ thống an sinh xã hội hiện đại, linh hoạt và lấy con người làm trung tâm.

Với kết quả được ghi nhận trong hoạch định và thực hiện chính sách xã hội, an sinh xã hội ở Việt

Nam trong quá trình thực hiện vẫn còn những hạn chế cần được nghiên cứu bổ sung cho phù hợp với sự phát triển của đất nước hiện nay.

Thứ nhất, nguồn lực dành cho an sinh xã hội còn phân tán và chưa đáp ứng yêu cầu phát triển

Nhà nước đã dành nguồn lực đáng kể cho lĩnh vực an sinh xã hội, song việc phân bổ nguồn lực giữa các chương trình, dự án vẫn còn dàn trải, thiếu tính tập trung và chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển trong bối cảnh mới. Hiệu quả sử dụng nguồn lực bị giảm sút do một số chính sách chồng chéo và trùng lặp nhau về đối tượng mục tiêu và nội dung hỗ trợ. Bên cạnh đó, nhu cầu bảo đảm an sinh xã hội ngày càng gia tăng do tác động của già hóa dân số, biến đổi khí hậu, dịch bệnh và quá trình đô thị hóa nhanh. Các dự báo cho thấy Việt Nam sẽ chính thức bước vào giai đoạn dân số già vào năm 2038, khi khoảng 20% dân số sẽ từ 60 tuổi trở lên. Điều này sẽ gây áp lực đáng kể lên hệ thống trợ giúp xã hội, chăm sóc sức khỏe và lương hưu của đất nước (Chung Thủy, 2026). Trong khi đó, các nguồn lực xã hội vẫn chưa được huy động để giúp cung cấp các dịch vụ an sinh xã hội, điều này là không đủ so với tiềm năng và nhu cầu phát triển bền vững.

Thứ hai, khoảng cách phát triển và mức độ thụ hưởng chính sách giữa các vùng, miền còn chênh lệch

Mặc dù tỷ lệ nghèo đa chiều của cả nước đã giảm đáng kể, nhưng vẫn còn những khác biệt lớn về mức sống và khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội thiết yếu giữa các vùng. Tỷ lệ nghèo cao nhất vẫn tập trung ở các vùng núi và trong các nhóm dân tộc thiểu số. Theo kết quả Điều tra mức sống dân cư năm 2023, tỷ lệ hộ nghèo đa chiều trong đồng bào dân tộc thiểu số cao gấp nhiều lần mức bình quân chung của cả nước với 5,71% (Báo điện tử Chính phủ, 2024). Việc tiếp cận cơ sở hạ tầng kỹ thuật số, nước sạch, chăm sóc sức khỏe và giáo dục vẫn là một thách thức ở nhiều khu vực hẻo lánh và nông thôn. Thực trạng này cho thấy thành quả phát triển và mức độ thụ hưởng chính sách xã hội chưa thật sự đồng đều giữa các nhóm dân cư và các vùng lãnh thổ, làm gia tăng nguy cơ tái nghèo và bất bình đẳng xã hội.

Thứ ba, nguy cơ mất cân đối quỹ an sinh xã hội trong dài hạn vẫn hiện hữu

Quá trình già hóa dân số diễn ra nhanh chóng cùng với tình trạng hưởng bảo hiểm xã hội một lần gia tăng đang tạo áp lực đáng kể đối với tính bền vững của quỹ bảo hiểm xã hội. Theo số liệu từ Bảo hiểm xã hội Việt Nam, gần 1,1 triệu người đã nhận được khoản trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần trong năm 2024. Con số này vẫn khá cao, dù giảm nhẹ 1,6% so với năm 2023 (Trần Vũ, 2025). Từ năm 2016 đến tháng 8 năm 2024, có hơn 1,9 triệu người sau khi nhận bảo hiểm xã hội một lần mới quay trở lại tham gia hệ thống (Phát thanh và Truyền hình Hà Nội, 2024). Tình trạng này làm giảm số người tích lũy đủ điều kiện hưởng lương hưu, ảnh hưởng trực tiếp đến mục tiêu mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội và đặt ra nguy cơ mất cân đối quỹ hưu trí trong tương lai. Bên cạnh đó, tốc độ già hóa dân số nhanh khiến tỷ lệ người hưởng lương hưu ngày càng tăng, trong khi tốc độ gia tăng số người đóng bảo hiểm chưa tương xứng, tạo sức ép lớn đối với tính bền vững của hệ thống an sinh xã hội trong dài hạn.

2.3. Đề xuất một số giải pháp thực hiện chính sách và thể chế hóa pháp luật về chính sách an sinh xã hội

2.3.1. Tiếp tục hoàn thiện thể chế, pháp luật về an sinh xã hội theo hướng đồng bộ, thống nhất và hiện đại

Để thể chế hóa đầy đủ các niềm tin và chính sách của Đảng, đặc biệt là các định hướng trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 14 và Nghị quyết số 42-TW/NQ, hệ thống pháp luật về an sinh xã hội cần được rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện theo những diễn biến gần đây. Việc hoàn thiện pháp luật cần bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất giữa các lĩnh vực như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, việc làm, trợ giúp xã hội, giảm nghèo và cung cấp dịch vụ xã hội cơ bản; đồng thời khắc phục tình trạng chồng chéo, phân tán, tạo hành lang pháp lý đầy đủ cho việc xây dựng hệ thống an sinh xã hội đa tầng, hiện đại, linh hoạt và bao phủ toàn dân.

2.3.2. Mở rộng diện bao phủ và nâng cao tính bền vững của hệ thống an sinh xã hội

Để mở rộng phạm vi tham gia bảo hiểm xã hội, cần liên tục cải thiện các cơ chế và chính sách, đặc biệt là đối với người lao động trong khu vực phi chính thức, người lao động tự do và các nhóm xã hội dễ bị tổn thương. Đồng thời, nghiên cứu điều chỉnh chính sách theo hướng tăng tính hấp dẫn, linh hoạt và bảo đảm cân đối quỹ bảo hiểm xã hội trong dài hạn. Ngoài ra, điều tối quan trọng là phải đảm bảo tất cả công dân đều được tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản và thiết yếu, giảm nghèo một cách bền vững và nâng cao chất lượng các chương trình trợ giúp xã hội.

2.3.3. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý và thực hiện chính sách an sinh xã hội

Một trong những cách thức đổi mới để nâng cao hiệu quả quản lý và thực thi an sinh xã hội là chuyển đổi số. Do đó, việc tiếp tục phát triển và hoàn thiện cơ sở dữ liệu an sinh xã hội quốc gia một cách đồng bộ và liên kết với cơ sở dữ liệu dân số quốc gia và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác là vô cùng cần thiết. Đồng thời, đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến, mở rộng hình thức chi trả trợ cấp không dùng tiền mặt và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý, dự báo và hoạch định chính sách, qua đó nâng cao tính minh bạch, giảm chi phí hành chính và tạo thuận lợi cho người dân trong tiếp cận các dịch vụ an sinh xã hội.

2.3.4. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng tổ chức thực hiện chính sách

Cần tiếp tục đổi mới các kỹ thuật quản lý, cũng như tăng cường phân quyền và ủy quyền, đồng thời nâng cao trách nhiệm giải trình, giám sát và thanh tra đối với các cơ quan thực thi chính sách. Đồng thời, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác an sinh xã hội, bảo đảm có đủ năng lực chuyên môn, kỹ năng số và phẩm chất đạo đức đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới. Việc tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát sẽ góp phần hạn chế thất thoát, trục lợi chính sách và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về an sinh xã hội.

2.3.5. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển an sinh xã hội

Bên cạnh nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước, cần cải thiện các cơ chế thúc đẩy doanh nghiệp, các nhóm xã hội, cộng đồng và cá nhân tham gia vào việc cung cấp dịch vụ an sinh xã hội. Khuyến khích xã hội hóa một số dịch vụ phù hợp và tăng cường hợp tác công tư trong các lĩnh vực trợ giúp xã hội, chăm sóc sức khỏe, giáo dục và chăm sóc người cao tuổi. Việc huy động đa dạng nguồn lực góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ, bảo đảm tính bền vững của hệ thống an sinh xã hội và thực hiện hiệu quả mục tiêu phát triển bao trùm, không để ai bị bỏ lại phía sau.

3. Kết luận

Để đảm bảo sinh kế cho người dân, đạt được tiến bộ và công bằng xã hội, cũng như duy trì ổn định chính trị và xã hội, an sinh xã hội là trụ cột thiết yếu của hệ thống chính sách xã hội. Trong gần 40 năm đổi mới, hệ thống an sinh xã hội ở Việt Nam đã đạt nhiều thành tựu quan trọng, từng bước phát triển theo hướng hiện đại và bao trùm. Tuy nhiên, trước những yêu cầu của kỷ nguyên mới, cần tiếp tục hoàn thiện thể chế, mở rộng diện bao phủ, đẩy mạnh chuyển đổi số và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước nhằm xây dựng hệ thống an sinh xã hội bền vững, lấy con người làm trung tâm và bảo đảm không để ai bị bỏ lại phía sau.

Tài liệu tham khảo

Bảo hiểm Xã hội Việt Nam (2026). *Chuyển đổi số trong hệ thống BHXH Việt Nam: Nền tảng cho công khai, minh bạch và phục vụ người dân*. <https://baohiemxahoi.gov.vn/tintuc/Pages/chuyen-doi-so.aspx?ItemID=26388&CatelD=176>.

Báo điện tử Chính phủ (2024). *Công bố tỷ lệ nghèo đa chiều toàn quốc và theo các vùng năm 2023*. <https://xaydungchinh sach.chinhphu.vn/cong-bo-ty-le-ngheo-da-chieu-toan-quoc-va-theo-cac-vung-nam-2023-119240221063450557.htm>.

Báo và Phát thanh Truyền hình Hà Nội (2024). *Hơn 1,9 triệu người đăng ký tham gia lại bảo hiểm xã hội*. <https://hanoionline.vn/Hon-19-trieu-nguoi-dang-ky-tham-gia-lai-BHXXH-270589.htm>.

Chung Thủy (2026). *Dân số già hóa nhanh, y tế Việt Nam đứng trước áp lực chăm sóc người cao tuổi*. <https://vov.vn/xa-hoi/dan-so-gia-hoa-nhanh-y-te-viet-nam-dung-truoc-ap-luc-cham-soc-nguoi-cao-tuoi-post1289553.vov>.

Đảng Cộng sản Việt Nam (2016). *Văn kiện Đảng Toàn tập* (tập 60). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, tr. 195.

Đảng Cộng sản Việt Nam (2023). *Văn kiện Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII*, tr. 89-90.

Hồ Chí Minh Toàn tập (2011), tập 4. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, tr. 187.

Hoàng Bá Thịnh (2024). *Thực hiện chính sách xã hội, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội trong tình hình mới*. <https://hcma1.hcma.vn/Pages/chi-tiet-tin.aspx?ItemID=10707>.

Nguyễn Văn Chiêu (2025). *Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về thực hiện an sinh xã hội trong thời kỳ đổi mới*. <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/gioi-thieu-van-kien-dang/quan-diem-cua-dang-cong-san-viet-nam-ve-thuc-hien-an-sinh-xa-hoi-trong-thoi-ky-doi-moi-nguyen-van-chieu-856>.

Ngân Anh (2025). *Số lao động tham gia bảo hiểm xã hội vượt mốc 20 triệu người*. <https://nhandan.vn/so-lao-dong-tham-gia-bao-hiem-xa-hoi-vuot-moc-20-trieu-nguoi-post929121.html>.

Thu Cúc (2024). *Bao phủ bảo hiểm y tế tăng nhanh và bền vững*. <https://baochinhphu.vn/bao-phu-bao-hiem-y-te-tang-nhanh-va-ben-vung-102240416220303185.htm>.

Trần Vũ (2025). *Gần 1,1 triệu người rút bảo hiểm xã hội một lần trong năm 2024*, <https://lsvn.vn/gan-1-1-trieu-nguoi-rut-bao-hiem-xa-hoi-mot-lan-trong-nam-2024-a152824.html>.